

PHƯƠNG THỨC GIẢNG DẠY TRỰC TUYẾN TRÊN NỀN TẢNG LMS TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ: NHÌN TỪ KINH NGHIỆM GIẢNG DẠY HỌC PHẦN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG Ở ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NGUYỄN MINH TUẤN

Khoa Lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật,
Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Nhận bài ngày 03/7/2026. Sửa chữa xong 25/7/2026. Duyệt đăng 05/8/2026.

Abstract

Online learning through digital platforms has become an increasingly prominent trend in higher education worldwide. Learning management systems (LMSs), in particular, have been widely adopted since the COVID-19 pandemic. However, LMS-based online teaching also presents new challenges for lecturers. This article examines the specific difficulties encountered by lecturers at the University of Law, Vietnam National University, Hanoi, when teaching the Introduction to State and Law course through an LMS. It also discusses the solutions implemented to address these challenges. Drawing on the experience gained from this process, the article argues that improving the quality of LMS-based teaching requires coordinated and comprehensive measures involving all relevant stakeholders.

Keywords: E-learning, Introduction to State and Law, learning management systems, online teaching.

1. Đặt vấn đề

Học tập trực tuyến (*E-Learning*) là hình thức học tập tận dụng các khả năng của mạng Internet đã cung cấp chương trình đào tạo và tài liệu cho người học. Khái niệm này nhắc đến cả việc ứng dụng các phần mềm và học tập trên mạng (Nicholson, 2007, p. 1). Mô hình này ngày càng nhấn mạnh việc ứng dụng công nghệ nhằm đa dạng hóa các hoạt động học tập và kênh tương tác; thông thường, nó được đặc trưng bởi phương pháp sư phạm thúc đẩy sự chủ động tham gia của người học (McDougall & Betts, 1997). Trong đó, hệ thống LMS là một trong những nền tảng được phát triển sớm nhất nhằm phục vụ học tập trực tuyến và vẫn được áp dụng rộng rãi đến ngày nay (Davis et al., 2009). Đặc biệt, từ sau đại dịch COVID-19, việc ứng dụng LMS trong giáo dục đại học (GDĐH) đã được đẩy mạnh ở nhiều quốc gia trên thế giới. Những lợi ích mà mô hình này mang lại đối với người học, giảng viên (GV) và đơn vị đào tạo là rất lớn, đặc biệt khi xét trên góc độ chi phí/mức độ thuận tiện tiếp cận học liệu và dịch vụ giáo dục. Tuy nhiên việc tổ chức giảng dạy trên nền tảng LMS cũng đặt ra nhiều thách thức trong thực tiễn. Những thách thức này đến từ sự khác biệt bản chất giữa hoạt động học tập trực tiếp trên lớp và học tập trực tuyến trên nền tảng số. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu kinh nghiệm triển khai giảng dạy trên nền tảng LMS trong các cơ sở GDĐH cụ thể có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo. Xuất phát từ thực tiễn giảng dạy học phần Nhà nước và Pháp luật đại cương tại Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội trong những năm gần đây, bài viết này phân tích những khó khăn mà GV và người học gặp phải trong quá trình triển khai giảng dạy trên nền tảng LMS, đồng thời bước đầu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức dạy và học đối với học phần này trong bối cảnh chuyển đổi số của GDĐH hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về giảng dạy trên nền tảng LMS trên thế giới

2.1.1. Giảng dạy đại học trực tuyến trên nền tảng LMS trên thế giới

LMS không phải một sáng kiến mới mẻ trong GDĐH trên thế giới. Nền tảng này, hoặc ít nhất là dạng

Email: tuannm@vnu.edu.vn

sơ khai nhất của nó, đã được phát triển từ cuối thập niên 1990 (Davis et al., 2009). Các trường đại học ở nhiều nước trên thế giới từ lâu đã ứng dụng LMS vào GDĐH với phạm vi, mức độ, phương pháp khác nhau. Một khảo sát năm 2014 đã cho thấy có đến 99% cơ sở GDĐH Mỹ vận hành một nền tảng LMS của riêng mình (Brooks et al., 2014). Tại Anh, University College London hay University of Manchester sử dụng các nền tảng Moodle hoặc Blackboard để giảng dạy các môn như “Nhập môn Xã hội học” hay “Nhập môn khoa học chính trị”. Tại Úc, nền tảng LMS Canvas được triển khai nhằm thực hiện mô hình học tập kết hợp (*blended learning*), tức mô hình học tập kết hợp giữa tự nghiên cứu trực tuyến và thảo luận, trao đổi trực tiếp. Hàn Quốc có hệ thống K-MOOC, Nhật Bản sử dụng manaba, còn Singapore tích hợp LMS vào toàn bộ hệ thống giáo dục bậc cao. Kinh nghiệm quốc tế đã chỉ ra rằng các trường đại học trên thế giới khai thác lợi ích từ việc sử dụng LMS theo một số các cách: Người hướng dẫn và sinh viên truy cập nội dung học tập mọi lúc, mọi nơi; Nguồn dữ liệu học được tập trung; Các công cụ theo dõi và báo cáo nhằm nâng cao chất lượng của người học; Tăng hiệu quả trong các hoạt động của SV như gửi bài tập; Tăng cường giao tiếp; Phân tích quá trình học (Trần Quốc Trung, 2021).

Rõ ràng giảng dạy (cũng như học tập, nghiên cứu) trên nền tảng LMS có nhiều ưu điểm như là:

a. *Lợi ích với người học:* Người học có sự chủ động cao về mặt thời gian khi tiếp cận học liệu (bao gồm bài giảng và các tài liệu khác được cung cấp), đặc biệt có sự tự chủ cao hơn so với lớp học trực tiếp về tiến trình học tập. Về lý thuyết, trong khung thời gian cho phép của mỗi học phần, người học có thể học bất kỳ lúc nào, dù sáng sớm hay đêm muộn, không phụ thuộc vào thời gian của GV như các lớp học truyền thống. Người học cũng có thể học với tốc độ riêng mà cá nhân cho là phù hợp.

b. *Lợi ích với giảng viên:* Do việc học tập của người học diễn ra trên môi trường số, GV có điều kiện theo dõi tiến độ, kết quả học tập của người học một cách thuận tiện, nhanh chóng. Một hệ thống với khả năng thống kê kịp thời, chính xác và đầy đủ giúp GV bao quát được nhiều lớp học đồng thời với rất ít nỗ lực và sai sót ở mức độ thấp. Trong một số tác vụ, chẳng hạn gửi/nộp - thu nhận - chấm bài tập, hệ thống cũng sẽ giúp GV thực hiện một cách nhanh chóng hơn.

c. *Lợi ích với tổ chức:* Ứng dụng nền tảng LMS giúp tiết kiệm đáng kể chi phí tổ chức lớp, bao gồm việc tiết giảm và tối ưu hóa việc sử dụng lớp học vật lý; tiết kiệm chi phí duy trì tiện nghi lớp học; tiết kiệm chi phí in ấn tài liệu; tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại... Đồng thời nền tảng LMS cho phép tăng đáng kể quy mô đào tạo trong khi mức tăng chi phí không đáng kể.

2.1.2. Giảng dạy đại học trực tuyến trên nền tảng LMS tại Việt Nam

Việc ứng dụng nền tảng LMS trong đào tạo đại học ở Việt Nam đã được thực hiện từ lâu. Ví dụ, Trường Đại học Mở Hà Nội đã đào tạo trên nền tảng LMS từ năm 2005 với hơn 1.000 SV tham gia các khóa học trực tuyến (Ngô Minh Ngọc, 2017). Từ năm 2008, đã triển khai e Learning, đến năm 2009 bắt đầu các chương trình chính quy qua LMS. Đến năm 2020, khoảng 42% SV tham gia học trực tuyến. Trong giai đoạn dịch Covid 19, hơn 1.600 lớp tín chỉ được tổ chức trên LMS với hơn 14 triệu phút học trực tuyến và hơn 1 triệu lượt đăng nhập.

Tổng thể, LMS đã trở thành công cụ không thể thiếu trong việc hiện đại hóa hoạt động giảng dạy các môn đại cương ở bậc Đại học ở Việt Nam. Không chỉ giúp tiết kiệm chi phí, tăng tính linh hoạt và cá nhân hóa, LMS còn đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng GDĐH trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa giáo dục.

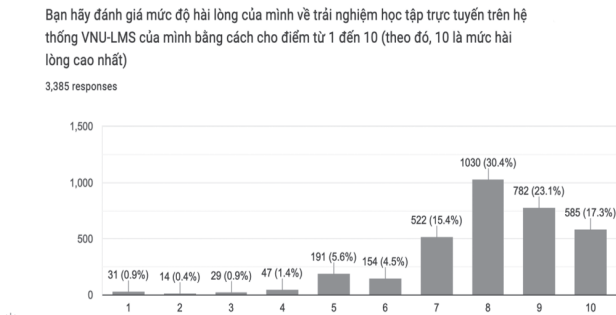
2.2. Thực tế giảng dạy trực tuyến học phần “Nhà nước và pháp luật đại cương” tại Đại học Quốc gia Hà Nội

2.2.1. Một số kết quả đã đạt được

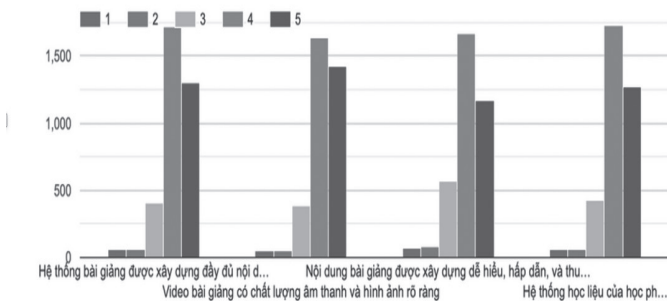
Học phần Nhà nước và Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc cho SV các đơn vị thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội. Nội dung của học phần đề cập đến các khái niệm cơ bản liên quan đến hai phạm trù nhà nước và pháp luật, những nội dung nền tảng nhất về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Việc giảng dạy học phần Nhà nước và Pháp luật đại cương bắt đầu được thực hiện từ học kỳ I năm học 2023- 2024. Hai năm học 2023-2024 và 2024-2025, đã có hơn 20.000 SV

Đại học Quốc gia Hà Nội được đào tạo học phần này trên nền tảng LMS. Khảo sát năm 2025 do Viện Đào tạo số và Khảo thí thực hiện năm 2025 cho thấy *hoạt động đào tạo đã nhận được nhiều đánh giá tích cực từ phía người học, đặc biệt trên khía cạnh chất lượng đào tạo*. Khảo sát cho thấy trải nghiệm học tập trực tuyến trên VNU-LMS được SV đánh giá tương đối tích cực, với phần lớn câu trả lời tập trung ở các mức điểm cao. *Nổi bật nhất là mức 8 với 30,4% số phản hồi, tiếp theo là mức 9 với 23,1% và mức 10 với 17,3%, cho thấy đa số người học nhìn nhận mô hình này theo chiều hướng hài lòng đến rất hài lòng*. Dù vậy, sự hiện diện của các mức đánh giá thấp và trung bình vẫn phản ánh rằng chất lượng trải nghiệm chưa hoàn toàn đồng đều, đòi hỏi tiếp tục có những điều chỉnh để nâng cao hiệu quả dạy và học.

NHỮNG PHẢN HỒI BAN ĐẦU



Phần 2. Đánh giá về Chất lượng bài giảng



PHẢN HỒI CỦA NGƯỜI HỌC VỀ VIỆC GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Đánh giá của người học về "Chất lượng hệ thống VNU-LMS"

	Trung bình	Trung vị
Giao diện hệ thống VNU-LMS thân thiện và dễ dàng sử dụng	4,0	4
Hệ thống VNU-LMS có đầy đủ chức năng phục vụ hoạt động học tập	4,0	4
Việc cấp lại thông tin tài khoản thuận tiện và dễ dàng	3,9	4
Tốc độ xử lý các tác vụ của hệ thống LMS đáp ứng nhu cầu trong quá trình học tập	3,7	4

Đánh giá của người học về "Chất lượng bài giảng"

	Trung bình	Trung vị
Hệ thống bài giảng được xây dựng đầy đủ nội dung kiến thức theo chuẩn đầu ra của học phần	4,2	4
Video bài giảng có chất lượng âm thanh và hình ảnh rõ ràng	4,2	4
Nội dung bài giảng được xây dựng dễ hiểu, hấp dẫn, và thu hút	4,1	4
Hệ thống học liệu của học phần được xây dựng đa dạng về hình thức (văn bản, hình ảnh, âm thanh...)	4,2	4

(Trích: Tham luận Triển khai đào tạo trực tuyến học phần Nhà nước và pháp luật đại cương tại Đại học Quốc gia Hà Nội của Viện đào tạo số và khảo thí, Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hội thảo "Tổng kết thực hiện

thí điểm giảng dạy học phần nhà nước và pháp luật đại cương bằng hình thức trực tuyến trên nền tảng LMS, ngày 3/7/2025 tại Trường Đại học Luật, Đại học quốc gia Hà Nội)

Kết quả khảo sát cho thấy người học đánh giá tương đối tích cực cả nền tảng VNU-LMS và chất lượng bài giảng, với điểm trung bình các tiêu chí dao động từ 3,7 đến 4,2. Chất lượng nội dung, học liệu, âm thanh và hình ảnh được đánh giá cao hơn các tiêu chí về tốc độ xử lý và mức độ tương thích của hệ thống. Điều đó cho thấy nỗ lực chuyên môn của GV đã đem lại kết quả rõ rệt, nhưng hạ tầng kỹ thuật vẫn cần tiếp tục được cải thiện.

2.2.2. Những khó khăn, vướng mắc đối với người học và giảng viên

a. Đối với người học

- *Hạn chế tương tác trực tiếp và động lực học tập:* Vấn đề đầu tiên cần được đề cập là sự hạn chế trong tương tác trực tiếp giữa GV và người học. Lợi ích đầu tiên của nền tảng LMS là người học có thể tiếp cận các nội dung học tập có sẵn trên hệ thống, giảm tham gia các lớp học trực tuyến. Tuy nhiên, nhược điểm của mô hình này là thiếu đi sự tương tác trực tiếp, người học bị hạn chế cơ hội trao đổi trực tiếp với GV. Họ dễ cảm thấy mình là người “học một mình”. Điều này có thể dẫn đến giảm hứng thú, thiếu động lực học tập. Với những SV vốn đã ngại hỏi, thiếu tự tin hoặc chưa được trang bị kỹ năng học tập độc lập, học tập trực tuyến có thể khiến họ trở nên bị động, học theo kiểu “cưỡi ngựa xem hoa” mà không thật sự hiểu và nắm bắt vấn đề.

- *Hạn chế về năng lực tự học và kỹ năng học tập số:* Học phần Nhà nước và Pháp luật đại cương chủ yếu được giảng dạy đối với SV năm thứ nhất và năm thứ hai. Đối với SV năm nhất, chưa quen với phong cách tự học ở bậc đại học, nếu không được hướng dẫn sâu sát thì rất dễ gặp khó khăn trong việc duy trì sự tập trung và kế hoạch học tập phù hợp. SV thiếu kỹ năng quản lý thời gian và duy trì sự tập trung nói chung còn dễ bị sao nhãng bởi mạng xã hội hoặc bởi công việc, nhu cầu cá nhân khác ngoài học tập. Trong tình huống đó, SV có thể không để ý, chậm tiến độ học; thậm chí học một cách đối phó, học “cho xong”, không thực sự tiếp thu được kiến thức mà chỉ cố gắng hoàn thành những tác vụ được yêu cầu ở mức tối thiểu. Đối với người học năm nhất, việc tiếp cận với phương pháp, công cụ học tập và thao tác học tập mới mẻ như tự tìm kiếm, tra cứu tài liệu học thuật, ghi chép bài giảng số, tương tác trên môi trường số... có thể gặp nhiều hạn chế. Điều này có thể khiến SV lúng túng, khó khăn trong việc đáp ứng tiến độ và các yêu cầu cụ thể của hệ thống trong quá trình học tập.

b. Đối với giảng viên

- *Hạn chế về phương pháp giảng dạy:* Học phần Nhà nước và Pháp luật đại cương đòi hỏi cần phải có sự thảo luận, trao đổi để làm rõ các khái niệm và nội dung mang tính trừu tượng cao. Ngoài ra, khi nghiên cứu, đặc biệt là nghiên cứu các ngành luật, phương pháp nghiên cứu tình huống (*case-study*) là rất quan trọng. Tuy nhiên, hiện nay, trong đào tạo trên nền tảng LMS, việc tổ chức thảo luận, tranh luận, nghiên cứu tình huống là rất hạn chế. Người học không có nhiều điều kiện để phát biểu quan điểm cá nhân, giảng viên cũng ít có điều kiện trao đổi, phản hồi và làm rõ các vấn đề. Từ đó dẫn tới nguy cơ học hình thức, không đủ sâu sắc, không chạm tới bản chất vấn đề. Bởi, do đặc thù môn học chứa nhiều khái niệm trừu tượng như “pháp quyền”, “chủ quyền”, “quan hệ pháp luật”, “ý thức pháp luật”... nên nếu không được giảng dạy đúng cách, người học có thể chỉ học thuộc lòng mà không hiểu bản chất. Việc học trực tuyến qua video hoặc bài giảng tải lên dễ khiến SV chỉ học để làm bài kiểm tra mà không phát triển tư duy pháp lý nền tảng – một năng lực cốt lõi cần có trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo (Nguyễn Minh Tuấn, 2025).

- *Rủi ro về đạo đức học thuật và tính trung thực trong đánh giá:* Đánh giá trực tuyến luôn tiềm ẩn nguy cơ gian lận học thuật. Trong các bài kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận online, SV có thể dễ dàng sao chép tài liệu, chia sẻ đáp án hoặc nhờ người khác làm bài thay. Nếu không có giải pháp kỹ thuật kiểm soát như giám sát thi từ xa (*online proctoring*), bài đánh giá có thể không phản ánh đúng năng lực thật của người học, làm giảm độ tin cậy và công bằng trong đánh giá.

- *Yêu cầu cao về kỹ năng thiết kế học liệu và sư phạm số:* Để môn học mang tính lý luận như “Nhà nước và pháp luật đại cương” trở nên hấp dẫn và dễ tiếp thu trong môi trường đào tạo số, GV cần đầu tư nhiều thời

gian vào việc thiết kế bài giảng số hóa, xây dựng hoạt động tương tác, và ứng dụng phương pháp giảng dạy phù hợp. Tuy nhiên, không phải GV nào cũng được đào tạo bài bản về kỹ năng sư phạm số hoặc có đủ điều kiện về thời gian và công nghệ để làm điều này một cách hiệu quả. Việc giảng dạy trực tuyến cũng yêu cầu người dạy phải thành thạo công nghệ, thiết kế học liệu số, và tổ chức hoạt động tương tác phù hợp.

- *Hạn chế trong việc truyền cảm hứng*: Một trong những mục tiêu quan trọng của học phần Nhà nước và Pháp luật đại cương là góp phần hình thành nhận thức pháp lý đúng đắn và ý thức công dân cho SV. Tuy nhiên, trong môi trường học trực tuyến, mối quan hệ giữa GV và người học trở nên xa cách hơn. Sự thiếu tương tác trực tiếp khiến khả năng truyền cảm hứng, dẫn dắt tư duy hoặc kịp thời điều chỉnh những nhận thức sai lệch của SV trở nên hạn chế đáng kể. Dẫn đến thực trạng GV khó nắm bắt một cách chân thực mức độ tiếp nhận của người học.

2.2.3. *Một số giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập học phần Nhà nước và Pháp luật đại cương trên nền tảng LMS*

a. Về phương pháp giảng dạy

Đội ngũ GV đã chủ động thay đổi cách tiếp cận cho phù hợp với đặc trưng của mô hình học tập chủ yếu dựa vào tự học trên nền tảng LMS. Thay vì duy trì lối truyền đạt kéo dài, thiên về diễn giải liên tục như trong lớp học trực tiếp, *các bài giảng được thiết kế theo hướng cô đọng, tập trung vào những tri thức nền tảng, cốt lõi của từng bài học, đồng thời bảo đảm tính rõ ràng, dễ hiểu và có hệ thống*. Sự điều chỉnh này đặc biệt cần thiết đối với học phần Nhà nước và Pháp luật đại cương, bởi đây là môn học mang tính nhập môn, chứa đựng nhiều khái niệm trừu tượng và có vai trò đặt nền tảng cho tư duy pháp lý của SV. Trong khuôn khổ thời lượng có hạn của các video bài giảng, việc GV vẫn cố gắng *lồng ghép các ví dụ minh họa và tình huống phân tích* cho thấy nỗ lực đáng kể trong việc làm giảm tính khô cứng của lý thuyết, hỗ trợ người học tiếp cận nội dung một cách trực quan hơn, từ đó nâng cao hiệu quả tiếp thu.

b. Về kiểm tra, đánh giá

Thực tiễn giảng dạy cho thấy, dù hình thức kiểm tra trắc nghiệm đang được áp dụng cho các bài kiểm tra cuối bài học, thi giữa kỳ và thi cuối kỳ, chương trình vẫn yêu cầu SV hoàn thành hai bài tiểu luận nhóm. Chính ở khâu này, các rủi ro liên quan đến ý thức học tập và liêm chính học thuật bộc lộ rõ hơn, như hiện tượng sao chép tài liệu, chia sẻ đáp án, nhờ người khác làm bài thay hoặc lạm dụng trí tuệ nhân tạo. Trước thực trạng đó, đội ngũ GV đã chủ động trao đổi chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm và nâng cao năng lực phát hiện các dấu hiệu của hành vi sao chép, sử dụng tài liệu không đáng tin cậy, trình bày sơ sài hoặc lạm dụng công cụ AI trong quá trình làm bài. Nỗ lực này không chỉ nhằm hạn chế các vi phạm ở mức thấp nhất có thể, mà còn góp phần duy trì kỷ cương học thuật, bảo đảm sự công bằng trong đánh giá và từng bước hình thành cho SV ý thức trách nhiệm đối với sản phẩm học tập của chính mình.

c. Về vấn đề kỹ thuật

GV cần được bồi dưỡng thường xuyên về sử dụng LMS, khai thác dữ liệu học tập và xử lý các tình huống kỹ thuật cơ bản. Việc làm chủ hệ thống giúp GV theo dõi tiến độ, phát hiện SV chậm học hoặc thiếu tương tác và có biện pháp hỗ trợ kịp thời. Tuy nhiên, trách nhiệm kỹ thuật không thể chuyển toàn bộ cho GV mà cần có bộ phận hỗ trợ chuyên trách.

d. Về kỹ năng sư phạm

Giảng dạy trên LMS đòi hỏi GV điều chỉnh phương pháp theo hướng cô đọng, rõ ràng, phù hợp với khả năng tập trung và nhu cầu tự học của SV. Nội dung bài giảng và học liệu bổ trợ cần được lựa chọn có trọng tâm, dễ tiếp cận, đặc biệt đối với SV năm thứ nhất và năm thứ hai. Năng lực sư phạm số vì thế không nằm ở việc truyền đạt nhiều hơn, mà ở việc lựa chọn đúng nội dung, mức độ và cách thức để người học thực sự hiểu bài.

d. Về nội dung truyền đạt trong thảo luận trực tiếp

Ngoài ra, đối với các buổi thảo luận trực tiếp, đội ngũ GV cũng đã có sự điều chỉnh phù hợp nhằm tối đa hóa giá trị bổ trợ của hình thức này. Thay vì lặp lại một cách hình thức các nội dung đã có trong video bài giảng hoặc trên hệ thống, *các buổi thảo luận được định hướng tập trung vào những vấn đề sinh viên chưa hiểu rõ, còn băn khoăn hoặc cần được trao đổi sâu hơn*. Cách tiếp cận này thể hiện một quan

điểm sự phạm đúng đắn: trong mô hình LMS, các buổi trao đổi trực tiếp không nên được xem là phần “nhắc lại”, mà *phải là không gian học thuật có chức năng bổ sung, củng cố, tháo gỡ và định hướng*. Chính tại đây, GV có thể giải thích thêm những khái niệm khó, điều chỉnh những nhận thức chưa chính xác, khơi gợi hứng thú học tập và cung cấp cho SV những hướng dẫn thiết thực để việc tự học đạt hiệu quả cao hơn. Với một học phần nền tảng như Nhà nước và Pháp luật đại cương, vai trò này càng trở nên quan trọng, bởi người học không chỉ cần ghi nhớ khái niệm mà còn cần được dẫn dắt để từng bước hình thành cách nhìn pháp lý có hệ thống và có chiều sâu.

e. Về cơ chế phối hợp

Cần sớm ban hành quy định thống nhất thay thế cơ chế thí điểm, xác định rõ trách nhiệm của Đại học Quốc gia, đơn vị đào tạo, đơn vị giảng dạy và bộ phận hỗ trợ kỹ thuật; đồng thời thiết lập một đầu mối điều phối chung để quản lý học liệu, hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức khảo thí và xử lý phản hồi. Cơ chế tài chính, thanh toán và phân bổ nguồn lực cũng phải minh bạch, tương xứng với trách nhiệm được giao, gắn với việc nâng cao năng lực số cho GV, chuẩn hóa học liệu và hoàn thiện hạ tầng LMS, qua đó bảo đảm chất lượng và hiệu quả đào tạo trực tuyến quy mô lớn (Mai Văn Thắng, 2025).

Từ những giải pháp đã và đang được triển khai, có thể thấy rằng việc nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập học phần Nhà nước và Pháp luật đại cương trên nền tảng LMS phải được thực hiện như một quá trình cải tiến liên tục, trong đó các yếu tố phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, kỹ thuật vận hành, kỹ năng sư phạm và tổ chức tương tác học thuật có quan hệ chặt chẽ với nhau.

3. Kết luận

Kinh nghiệm triển khai học phần Nhà nước và Pháp luật đại cương trên nền tảng LMS tại Đại học Quốc gia Hà Nội cho thấy LMS có ưu thế trong mở rộng quy mô đào tạo, tăng khả năng tiếp cận học liệu, hỗ trợ theo dõi tiến độ và phát huy tính tự học của SV, nhưng không tự thân bảo đảm chất lượng, nhất là đối với học phần có tính lý luận và đòi hỏi phát triển tư duy pháp lý. Hiệu quả của mô hình này phụ thuộc vào sự kết hợp hợp lý giữa học liệu số, hoạt động tự học, kiểm tra đánh giá và tương tác học thuật trực tiếp, đồng thời phải khắc phục các hạn chế về tương tác, nguy cơ học tập hình thức, liêm chính học thuật và áp lực đối với GV. Vì vậy, LMS cần được đặt trong mô hình đào tạo tích hợp, gắn với hạ tầng kỹ thuật ổn định, năng lực sư phạm số, cơ chế hỗ trợ người học và chính sách phù hợp đối với GV, qua đó trở thành công cụ thực chất phục vụ đổi mới giáo dục đại học.

Tài liệu tham khảo

- Brooks, D. C., Dahlstrom, E., & Bichsel, J. (2014). *The current ecosystem of learning management systems in higher education: Student, faculty, and IT perspectives*. EDUCAUSE Center for Analysis and Research. <https://library.educause.edu/resources/2014/9/the-current-ecosystem-of-learning-management-systems-in-higher-education-student-faculty-and-it-perspectives>.
- Davis, B., Carmean, C., & Wagner, E. D. (2009). *The evolution of the LMS: From management to learning*. The eLearning Guild. <https://www.learningguild.com/research/the-evolution-of-the-lms-from-management-to-learning>.
- Mai Văn Thắng (2025). Cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong quản lý, triển khai giảng dạy học phần Nhà nước và Pháp luật đại cương bằng hình thức trực tuyến trên nền tảng LMS và một số khuyến nghị [Tham luận hội thảo]. *Hội thảo Tổng kết thực hiện thí điểm giảng dạy học phần Nhà nước và Pháp luật đại cương bằng hình thức trực tuyến trên nền tảng LMS*, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- McDougall, A., & Betts, J. (1997). *Learning with the media of their time*. Computing in Education Group of Victoria.
- Ngô Minh Ngọc (2017). Cải tiến quy trình thiết kế dạy học trong đào tạo trực tuyến tại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Quản lý Giáo dục*, số 02 (14), 47–56. <https://tapchikhqlgd.edu.vn/wp-content/uploads/2024/01/07-NGO-MINH-NGOC.pdf>.
- Nguyễn Minh Tuấn (2025). Dạy và học học phần Nhà nước và Pháp luật đại cương bằng hình thức trực tuyến trên nền tảng LMS: Nhìn lại, đánh giá và đổi mới [Tham luận hội thảo]. *Hội thảo Tổng kết thực hiện thí điểm giảng dạy học phần Nhà nước và Pháp luật đại cương bằng hình thức trực tuyến trên nền tảng LMS*, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nicholson, P. (2007). A history of e-learning. In B. Fernández-Manjón, J. M. Sánchez-Pérez, J. A. Gómez-Pulido, M. A. Vega-Rodríguez, & J. Bravo-Rodríguez (Eds.), *Computers and education: E-learning, from theory to practice* (pp. 1–11). Springer. https://doi.org/10.1007/978-1-4020-4914-9_1.
- Raza, S. A., Qazi, W., Khan, K. A., & Salam, J. (2021). Social isolation and acceptance of the learning management system (LMS) in the time of COVID-19 pandemic: An expansion of the UTAUT model. *Journal of Educational Computing Research*, 59(2), 183–208. <https://doi.org/10.1177/0735633120960421>.
- Trần Quốc Trung (2021). Hệ thống quản lý học tập trực tuyến trong giáo dục đại học. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, số đặc biệt tháng 01, 66–72. https://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/noidung_sdb_01_2021-66-72.pdf.